

Bản án số: 51/2024/HS-ST

Ngày: 17-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tuấn

Ông Hoàng Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 23/3/1966; nơi cư trú: Số A, đường B, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Sở Y tế tỉnh C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị M; vợ tên Phạm Hồng N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt;

2. Lê Ngọc Đ, sinh ngày 24/4/1969; nơi cư trú: Số I, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế tỉnh C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành T1 (đã chết) và bà Tống Thị X; vợ tên Phan Thị Kim P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 31/7/2022 đến ngày 28/9/2022 được gia đình bảo lãnh. Bị cáo có mặt;

3. Đặng Hải Đ1, sinh ngày 16/5/1966; nơi cư trú: Số F, đường Đ, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Minh H và bà Đỗ Kim L; vợ tên Ngô Thanh X1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 31/7/2022 đến ngày 13/01/2023 được gia đình bảo lãnh. Bị cáo có mặt;

4. Hồ Quang N1, sinh ngày 25/02/1988; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở khác: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn M1 (đã chết) và bà Trần Thị X2; vợ tên Lê Thúy O và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 31/7/2022 đến ngày 13/01/2023 được gia đình bảo lãnh. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Trần Đức T2 của Văn phòng Luật sư Trần Đức T2 và Luật sư Lê Huỳnh N2 của Văn phòng Luật sư Tô Văn C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư T2 có đơn xin vắng mặt. Luật sư N2 có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Đ: Luật sư Phan Khánh D1 của Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Đ1, gồm:

3.1. Luật sư Nguyễn Văn N3 của Văn phòng L6 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

3.2. Luật sư Nguyễn Quốc T3 và Luật sư Hồ Quang K của Công ty L7 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Các Luật sư có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo N1: Luật sư Phạm Xuân K1 của Công ty L8 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

- *Bị hại:*

1. Sở Y tế tỉnh C

Địa chỉ: Số A đường B, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L1, chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Sở Y (Quyết định số 2816/QĐ-SYT ngày 04/10/2023 của Giám đốc Sở Y). Ông L1 có mặt.

2. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C

Địa chỉ: Số I đường L, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Mạnh S, chức vụ: Phó Trưởng khoa Dinh dưỡng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh C (Giấy ủy quyền số 05/GUQ-KSBT ngày 17/5/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh C). Ông S có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quang K2, sinh ngày 17/3/1965 (Phó Giám đốc Sở Y tế tỉnh C, có mặt).

Nơi cư trú: Số B T, khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn D2, sinh ngày 04/6/1977 (Trưởng Khoa Xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh-thăm dò chức năng CDC Cà Mau, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số B M, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Phạm Viết M2 (Giám đốc Công ty Cổ phần X3, có mặt).

Nơi cư trú: 99 đường N, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Nguyễn Văn T4 (Giám đốc Công ty TNHH MTV X4, có mặt).

Nơi cư trú: Khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Huỳnh Bá P1 (Giám đốc Công ty TNHH T7, có mặt).

Nơi cư trú: Số A, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

6. Ông Nguyễn Văn L2 (Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần T8, có mặt).

Nơi cư trú: Số D, đường số B khu dân cư M, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng N4 (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-KTXVN ngày 13/01/2022). Ông N4 có mặt.

7. Ông Trịnh Văn L3 (Giám đốc Công ty Cổ phần K4, có mặt).

Địa chỉ: Số I L, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Hoàng Đại T5 (Giám đốc Công ty Cổ phần T9, có mặt).

Nơi cư trú: Số G T, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Trần Danh H1 (Giám đốc Công ty TNHH H2, có mặt).

Nơi cư trú: Khóm G, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

10. Ông Tạ Công Ú, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số B L, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

11. Bà Đào Hồng K3, sinh ngày 10/6/1995 (vợ Trần Tiến L4, là bị cáo trong vụ án hình sự sơ thẩm số 460/2023/HS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, có mặt).

Nơi cư trú: Số C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

12. Bà Phan Thị Kim P, sinh năm 1969 (vợ bị cáo Lê Ngọc Đ, có mặt).

Nơi cư trú: Số I, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

13. Bà Ngô Thanh X1, sinh năm 1966 (vợ bị cáo Đặng Hải Đ1, có mặt).

Nơi cư trú: Số F, đường Đ, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (C) gây ra bùng phát, đây là dịch bệnh mới, nguy hiểm, có khả năng lây lan nhanh, chưa có vắc xin, thuốc điều trị đặc hiệu. Ngày 27/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg, về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 31/3/2020 về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; Quyết định số 447/QĐ-TTg, ngày 01/4/2020 về việc công bố dịch Covid-19; Công văn số 969/TTg-KGVX, ngày 17/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện giãn cách xã hội phòng, chống dịch và nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh C ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, xác định công tác phòng, chống dịch là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể khẩn trương thực hiện quyết liệt các biện pháp do Chính phủ và các bộ, ngành đề ra. T6 hệ thống chính trị từ tỉnh đến ấp, khóm phải xác định công tác phòng, chống dịch Covid-19 là nhiệm vụ quan trọng, với tinh thần thần tốc “chống dịch như chống giặc”. Ngành y tế tập trung thực hiện tốt và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ chuyên môn trong việc quản lý, cách ly, điều trị các ca nhiễm bệnh nghiêm túc, chặt chẽ, an toàn, đúng quy định của Bộ Y; tăng cường nhân lực, cơ sở vật chất cho bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện để điều trị bệnh nhân Covid-19 (F0); tham mưu thành lập các bệnh viện dã chiến đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh C.

Thực hiện chủ trương trên, Sở T10 có Công văn số 361/STC-ĐTDN, ngày 07/02/2020 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị, hoá chất, vật tư y tế phòng, chống dịch; theo đó, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Á hình thức, quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại Điều 15 và Điều 17 Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/3/2016 của Bộ T11. Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 884/UBND-KT, ngày 13/02/2020 về việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp, thống nhất chủ trương thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo nội dung Công văn số 361/STC-ĐTDN, ngày 07/02/2020 của Sở T10. Bộ T11 có Công văn số 4841/BTC-HCSN, ngày 12/5/2021

về nguồn kinh phí, cơ chế mua sắm trong điều kiện có dịch bệnh; theo đó, trong thời gian có dịch bệnh được cấp có thẩm quyền công bố, các địa phương được quyết định theo thẩm quyền việc thực hiện chỉ định thầu đối với các gói thầu mua sắm thuộc phạm vi quản lý để triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong trường hợp cấp bách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu.

Đến ngày 31/7/2021, Văn phòng Tỉnh ủy có Thông báo số 98-TB/VPTU, thông báo ý kiến của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, trong đó chỉ đạo Sở Y: “Rà soát, đánh giá lại thực trạng, trang thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế trong tỉnh để khẩn trương đầu tư, mua sắm đúng quy định, trong đó lưu ý những quy định mới của Chính phủ để đáp ứng yêu cầu nhanh, cấp bách phòng, chống dịch”.

Để công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đạt hiệu quả, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh của tỉnh đã chỉ đạo xây dựng phòng xét nghiệm PCR để xét nghiệm SARS-CoV-2 tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C (viết tắt là C1), máy xét nghiệm RT-PCR Agilen được điều chuyển từ Sở Khoa học và Công nghệ sang phục vụ công tác xét nghiệm. C1 mời Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh xuống Cà Mau đào tạo, tập huấn cho đội ngũ làm công tác xét nghiệm và mời kỹ sư của Công ty cổ phần C2 hiệu chuẩn máy (do đã hiệu chuẩn trước tại C3 và kit xét nghiệm là của Công ty cổ phần C2 (viết tắt là Công ty C2)). Từ đó, C1 mượn CDC Hậu Giang 50 kit xét nghiệm Covid-19 do Công ty C2 sản xuất để hiệu chuẩn máy xét nghiệm RT-PCR Agilen.

Mặc dù có các văn bản chỉ đạo cụ thể từ Trung ương đến địa phương, cụ thể là Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh C. Tuy nhiên, từ ngày 14/4/2020 đến ngày 02/11/2021, C1 và Sở Y tế liên hệ Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) mượn 137.000 kit xét nghiệm Covid-19 sử dụng trước. Trong đó, C1 mượn 9.000 kit, Sở Y tế mượn 128.000 kit. Từ tháng 05/2020 đến tháng 12/2021, C1 và Sở Y lập hồ sơ hợp thức hóa 08 gói thầu để thanh toán tiền trả cho số kit xét nghiệm mượn của Công ty C2 sử dụng trước, cụ thể:

1. CDC Cà Mau: 05 gói thầu, số lượng 9.000 kit xét nghiệm Covid-19, số tiền 6.034.427.088 đồng (đ).

(1) Ngày 08/9/2020, Đặng Hải Đ1 - Giám đốc C1 ký hợp đồng thương mại số: 010920/HĐO.VAS-CMA với Công ty C2, mua 200 kit xét nghiệm Covid-19, giá 525.000đ/kit, hình thức chỉ định thầu thông thường, giá gói thầu 113.500.000đ (kit xét nghiệm 105.000.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 8.500.000đ); thanh quyết toán xong từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 cấp cho C1. Hồ Quang N1 (Phó trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ thuộc C1) sử dụng 03 bảng báo giá do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên được chỉ định thầu.

(2) Ngày 05/4/2021, Đặng Hải Đ1 - Giám đốc C1 ký hợp đồng thương mại số: 010321/HĐO.VAS-TCM với Công ty C2, mua 1.400 kit xét nghiệm Covid-19, giá 509.250đ/kit, hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng, giá gói thầu 1.095.465.920đ (kit xét nghiệm 712.950.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 382.515.920đ); thanh quyết toán xong từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch C tỉnh Cà Mau 03 tháng cuối năm 2020. H3 sử dụng 05 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên trúng thầu.

(3) Ngày 06/4/2021, Đặng Hải Đ1 - Giám đốc C1 ký hợp đồng thương mại số: 020321/HĐO.VAS-TCM với Công ty C2, mua 1.600 kit xét nghiệm Covid-19, giá

509.250đ/kit, hình thức chỉ định thầu rút gọn, giá gói thầu 1.266.088.540đ (kit xét nghiệm 814.800.000đ; kit tách (không phải của V + sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 451.288.540đ); thanh quyết toán xong từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch C tỉnh Cà Mau 03 tháng đầu năm 2021. H3 sử dụng 05 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên được chỉ định thầu.

(4) Ngày 12/7/2021, Đặng Hải Đ1 - Giám đốc C1 ký hợp đồng thương mại số: 010721/HĐO.VAS-TMU với Công ty C2, mua 500 kit xét nghiệm Covid-19, giá 509.250đ/kit, hình thức chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng, giá gói thầu 401.051.300đ (kit xét nghiệm 254.625.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 146.426.300đ); thanh quyết toán xong từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 cấp cho Sở Y tế. H3 sử dụng 06 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên trúng thầu.

(5) Ngày 12/8/2021, Đặng Hải Đ1 - Giám đốc C1 ký hợp đồng thương mại số: 010821/HĐO.VAS-TMU với Công ty C2, mua 5.300 kit xét nghiệm Covid-19, giá 470.000đ/kit, hình thức chỉ định thầu rút gọn, giá gói thầu 3.158.321.328đ (kit xét nghiệm 2.491.000.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 667.321.328đ); thanh quyết toán xong từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2021. H3 sử dụng 05 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên được chỉ định thầu.

2. Sở Y tế: 03 gói thầu, số lượng 68.000 kit xét nghiệm Covid-19, số tiền 37.332.616.064đ.

(1) Ngày 12/8/2021, ông Nguyễn Văn D – Giám đốc Sở Y ký hợp đồng mua bán số: 02/VTHVĐ1 với Công ty C2, mua 8.000 kit xét nghiệm Covid-19, giá 470.000đ/kit, hình thức chỉ định thầu thông thường, giá gói thầu 5.476.216.064đ (kit xét nghiệm 3.760.000.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 1.716.216.064đ); thanh quyết toán xong từ nguồn dự phòng Ngân sách tỉnh Cà Mau. Lê Ngọc Đ (Trưởng Phòng Kế hoạch tài chính Sở Y) sử dụng 03 bảng báo giá do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên được chỉ định thầu.

(2) Ngày 07/9/2021, ông Nguyễn Văn D - Giám đốc Sở Y ký hợp đồng mua bán số: 02/BTXNPCRĐ2 với Công ty C2, mua 20.000 kit xét nghiệm Covid-19, giá 470.000đ/kit, hình thức chỉ định thầu rút gọn, giá gói thầu 11.743.900.000đ (kit xét nghiệm 9.400.000.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 2.343.900.000đ); thanh quyết toán xong từ nguồn cắt giảm, tiết kiệm thường xuyên năm 2020 chuyển sang năm 2021. Lê Ngọc Đ sử dụng 03 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên được chỉ định thầu.

(3) Ngày 03/12/2021, ông Nguyễn Văn D - Giám đốc Sở Y ký hợp đồng số: 21/2021/HĐKT-SYT-PCD với Công ty C2, mua 40.000 kit xét nghiệm Covid-19, giá 367.500đ/kit, hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, giá gói thầu 20.112.500.000đ (kit xét nghiệm 14.700.000.000đ; sinh phẩm hóa chất xét nghiệm 5.412.500.000đ); chưa thanh quyết toán. Lê Ngọc Đ sử dụng 03 bảng báo giá do Trần Tiến L4 cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 thấp nhất nên trúng thầu.

Công văn số 4342/VKSTC-V3 ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định: Quá trình điều tra đã làm rõ Công ty C2 thông đồng, móc ngoặc với các đơn vị, cơ sở y tế cung cấp kit xét nghiệm sử dụng trước rồi mới hợp thức thủ tục đấu thầu, ký hợp đồng, thanh quyết toán. Do hồ sơ đấu thầu đã được hợp thức hóa, không phản ánh đúng thực tế nên không có căn cứ giám định hồ sơ thầu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 có Quyết định thực nghiệm điều tra số 02/QĐ-CSKT-P9 ngày 17/02/2022 và kết quả làm việc tại biên bản làm việc ngày 29/8/2022 với Công ty C2 xác định cơ cấu tính giá thực tế của mặt hàng LightPoweriVA SARS-CoV-2 1st RT-rPCR, cụ thể:

(1) Chi phí sản xuất là 101.732đ, gồm: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (hóa chất) là 41.557đ; chi phí nhân công trực tiếp là 32.402đ; chi phí sản xuất chung là 27.773đ.

(2) Chi phí bán hàng là 16.224đ.

(3) Chi phí quản lý doanh nghiệp là 8.112đ.

(4) Chi phí tài chính là 4.056đ.

Tổng giá thành toàn bộ là 130.124đ.

(5) Lợi nhuận dự kiến (= 5%) là 6.506đ.

Giá bán chưa thuế giá trị gia tăng là 136.630đ (= 130.124+6.506)

(6) Thuế giá trị gia tăng (= 5%) là 6.831đ.

Giá bán 01 đơn vị sản phẩm đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 143.461đ (=136.630 + 6.831)

Như vậy, giá bán thực tế của 01 đơn vị sản phẩm mặt hàng LightPoweriVA SARS-CoV-2 1st RT-rPCR do Công ty C2 sản xuất là 143.461đ.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Cà Mau kết luận về giá của sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế, máy tách chiết tự động... (không phải của Công ty C2) thể hiện: Đối với 03/05 gói thầu của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 230.958.544đ.

Căn cứ kết quả thực nghiệm điều tra và Kết luận định giá tài sản kết luận Sở Y tế và C1 đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 12.224.018.000đ. Trong đó, Sở Y tế tỉnh C lập hồ sơ hợp thức hóa 03 gói thầu (02 gói thầu đã thanh quyết toán) mua kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2 gây thiệt hại với số tiền 9.143.092.000đ; C1 lập hồ sơ hợp thức hóa 05 gói thầu mua kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2 gây thiệt hại với số tiền 3.080.926.000đ.

- Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 19/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố các bị cáo D, Đ, Đ1 và N1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 222; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, riêng bị cáo Đ1 được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 59 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo D, Đ, Đ1 và N1 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” và miễn hình phạt cho tất cả các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự:

. Đối với phần trách nhiệm dân sự liên quan đến các hợp đồng mua kit xét nghiệm của Công ty C2 gây thiệt hại 12.224.018.000đ (trong đó, Sở Y tế thiệt hại 9.143.092.000đ, Trung tâm kiểm soát bệnh tật thiệt hại 3.080.926.00đ) do đã được Tòa án thành phố Hà Nội xét xử, giải quyết trách nhiệm bồi thường theo Bản án số 29/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 (buộc Phan Quốc V có trách nhiệm bồi thường) nên không đề cập trong vụ án này.

. Đối với vật tư y tế, sinh phẩm, hoá chất thiệt hại 230.958.544đ theo Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cà Mau (đối với 03/05 gói thầu của CDC tỉnh C1). Tuy nhiên, toàn bộ thiệt hại trong vụ án này đã được chuyển về giải quyết trong Bản án số 29/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án thành phố Hà Nội nên không xử lý.

+ Về xử lý vật chứng và tài liệu thu giữ:

. Áp dụng điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo các tài sản, đồ vật không liên quan đến vụ án;

. Hủy bỏ các lệnh kê biên tài sản đối với bị cáo Đ và bị cáo Đ1;

. Trả lại số tiền đã thu giữ cho người liên quan, gồm: Bà Đào Hồng K3, bà Ngô Thanh X1, ông Trần Danh H1, ông Hoàng Đại T5, ông Trịnh Văn L3, ông Nguyễn Văn T4, ông Phạm Viết M2;

. Trả lại các tài sản thu giữ cho Sở Y tế tỉnh C và CDC tỉnh C1;

. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo được hưởng lợi đã nộp trong quá trình điều tra.

. Chuyển lưu theo hồ sơ: Các tài liệu tại biên bản thống kê tài liệu khi tiến hành mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 17/8/2022 của các bị cáo; 02 (hai) USB.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo D, bào chữa cho bị cáo N1, bào chữa cho bị cáo Đ, Luật sư N3 bào chữa cho bị cáo Đ1: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Luật sư T3 đề nghị áp dụng mức hình phạt cho phù hợp với bị cáo Đ1.

- Luật sư K đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ1.

- Đại diện Sở Y tế tỉnh C trình bày: Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo D và Đ; Không có yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự; Xin được nhận lại tài sản của Sở Y tế tỉnh C bị thu giữ trong quá trình điều tra.

- Đại diện CDC tỉnh C1 trình bày: Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ1 và N1; Không có yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự; Xin được nhận lại tài sản của CDC bị thu giữ trong quá trình điều tra.

- Bà X1 trình bày: Xin được nhận lại 50 triệu đồng đã nộp trong quá trình điều tra và nhận lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) đã nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh C.

- Bà P trình bày: Xin được nhận lại 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) và Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do V1 phát hành (bản gốc) đã nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh C.

- Bà Đào Hồng K3, ông Phạm Viết M2, Nguyễn Văn T4, Trịnh Văn L3, Hoàng Đại T5, Trần Danh H1 trình bày: Xin được nhận lại các khoản tiền đã nộp trong quá trình điều tra.

- Lời nói sau cùng của bị cáo D: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến bào chữa của Luật sư. Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Đ: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến bào chữa của các Luật sư. Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Đ1: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến bào chữa của Luật sư. Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của bị cáo N1: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến bào chữa của Luật sư. Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó, có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù có các văn bản chỉ đạo cụ thể từ Trung ương đến địa phương, cụ thể là Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh C cho chủ trương áp dụng hình thức, quy trình chỉ định thầu đối với các gói thầu mua sắm thuốc phạm vi quản lý để triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong trường hợp cấp bách. Tuy nhiên, từ ngày 14/4/2020 đến ngày 02/11/2021, Sở Y tế và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C đã liên hệ mượn 137.000 kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2 sử dụng trước. Sau đó, từ tháng 5/2020 đến tháng 12/2021, các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Ngọc Đ, Đặng Hải Đ1 và Hồ Quang N1 đã sử dụng các báo giá của 06 công ty trong hệ thống V do Phan Quốc V (Tổng Giám đốc Công ty C2) thành lập, chỉ đạo điều hành hoặc các công ty có mối quan hệ quen biết với V hoặc quan hệ làm ăn kinh tế với Công ty C2. Trong đó, báo giá do Công ty C2 đưa ra là thấp nhất để các bị cáo này lập hồ sơ dự toán, hồ sơ đấu thầu, hợp thức hóa 08 gói thầu (trong đó có 01 gói thầu chưa thanh quyết toán) để thanh toán tiền trả cho Công ty C2 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 12.224.018.000đ. Hành vi phạm tội của từng bị cáo thể hiện như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn D: Trực tiếp ký 03 công văn mượn 28.000 kit xét nghiệm của Công ty C2 (Công văn số 2763/SYT-KHTC ngày 14/7/2021 mượn 6.000 kit, giá 470.000đ/kit; Công văn số 2834/SYT-KHTC ngày 19/7/2021 mượn 2.000 kit, giá 470.000đ/kit và Công văn số 4478/SYT-KHTC ngày 07/10/2021 mượn 20.000 kit, giá 367.500đ/kit) để sử dụng trước. Tại biên bản cuộc họp ngày

30/8/2021 của Sở Y tế (gồm bị cáo D, ông Trần Quang K2-Phó Giám đốc Sở Y và bị cáo Nguyễn Ngọc Đ2) về việc mua sắm phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19, bị cáo D chỉ đạo ông K2 “liên hệ tạm ứng hàng hóa để đảm bảo công tác hậu cần phòng chống dịch và tiến hành làm thủ tục thanh toán cho các công ty theo quy định”. Trên cơ sở chỉ đạo của bị cáo D, ông K2 ký 03 công văn mượn 40.800 kit xét nghiệm Covid-19 với Công ty C2; bị cáo Đ2 ký 04 công văn mượn 59.200 kit với Công ty C2. Trong quá trình lập hồ sơ 03 gói thầu nêu trên, bị cáo Đ2 sử dụng các báo giá của các Công ty, gồm: Công ty C2; Công ty TNHH T12; Công ty TNHH T13; Công ty TNHH A; Công ty TNHH V2; Công ty TNHH C5 do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 là thấp nhất, “không bảo đảm công bằng, minh bạch”, vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại khoản 6 Điều 89 của Luật Đấu thầu. Thực hiện không đúng trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 104 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Bị cáo D đã trực tiếp ký 03 hợp đồng mua bán với Công ty C2 mua 68.000 kit xét nghiệm. Trong đó, gói thầu thứ nhất và thứ hai đã thanh quyết toán xong, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 9.143.092.000đ.

- Đối với bị cáo Lê Ngọc Đ: Được phân công thực hiện mua sắm kit xét nghiệm, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. Trong năm 2021, bị cáo Đ tham mưu trình Ban Giám đốc Sở Y tế ký 10 Công văn mượn 128.000 kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2 (trong đó bị cáo Đ trực tiếp ký 04 công văn mượn 59.200 kit). Sau đó, bị cáo Đ sử dụng các báo giá do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 là thấp nhất, “không bảo đảm công bằng, minh bạch”, vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại khoản 6 Điều 89 của Luật Đấu thầu, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 9.143.092.000đ. Sau khi thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty C2, bị cáo Đ được Trần Tiến L4 chi tiền ngoài hợp đồng 01 lần số tiền 1.550.000.000đ.

- Đối với bị cáo Đặng Hải Đ1: Bị cáo chỉ đạo ông Nguyễn Văn D2 (Trưởng Khoa xét nghiệm, thuộc C1) mượn kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2 sử dụng trước, chỉ đạo bị cáo Hồ Quang N1 (Phó trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ thuộc C1) lập hồ sơ đấu thầu. Bị cáo N1 sử dụng báo giá do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 là thấp nhất, “không bảo đảm công bằng, minh bạch”, vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại khoản 6 Điều 89 của Luật Đấu thầu. Bị cáo Đ1 trực tiếp ký 05 hợp đồng thương mại với Công ty C2 mua 9.000 kit xét nghiệm (các hợp đồng đã thanh quyết toán xong), gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 3.080.920.000đ. Sau khi thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty C2, bị cáo Đ1 được Trần Tiến L4 chi tiền ngoài hợp đồng 03 lần với tổng số tiền 1.155.000.000đ.

- Đối với bị cáo Hồ Quang N1: Được bị cáo Đ1 giao lập hồ sơ đấu thầu (05 gói thầu) mua kit xét nghiệm Covid-19 của Công ty C2, nhưng thực hiện không đúng quy định về đấu thầu, mà sử dụng các báo giá do Trần Tiến L4 (nhân viên Công ty C2) cung cấp hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu. Trong đó, báo giá của Công ty C2 là thấp nhất, “không bảo đảm công bằng, minh bạch”, vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại khoản 6 Điều 89 của Luật Đấu thầu, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 3.080.920.000đ. Sau khi thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty C2,

bị cáo N1 được Trần Tiến L4 chi tiền ngoài hợp đồng 03 lần với tổng số tiền 120.000.000đ.

Với các tình tiết nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố các bị cáo D, Đ, Đ1 và N1 về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị, các đoàn thể xã hội và nhân dân đang tập trung với tinh thần cao nhất về con người và vật chất để phòng và chống dịch bệnh Covid-19. Thế nhưng, các bị cáo lại không thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, vi phạm pháp luật trong việc lập hồ sơ, xác định giá, quy trình lựa chọn và thẩm định lựa chọn nhà thầu gây thiệt hại cho ngân sách số tiền lớn, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước, gây bất bình trong dư luận. Mặc dù không có thỏa thuận trước, nhưng khi được Công ty C2 chi tiền “cảm ơn”, các bị cáo Đ, Đ1 và N1 lại không chủ động báo cáo, giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây cho các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Có thành tích xuất sắc trong công tác (các bị cáo được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, nhiều năm được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua; Các bị cáo D, Đ và Đ1 còn được tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”; Các bị cáo Đ và Đ1 còn được tặng Huân chương lao động hạng ba) và ở tuyến đầu trong phòng, chống đại dịch Covid-19; Gia đình các bị cáo có công với cách mạng; Chưa có tiền án, tiền sự; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo phạm tội trong bối cảnh bị áp lực từ việc cấp bách phòng chống dịch bệnh Covid-19. Do số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, nên việc các bị cáo Đ, Đ1 và N1 nộp lại số tiền “cảm ơn” đã nhận từ Công ty C2 cũng như số tiền mà vợ bị cáo Đ1 tự nguyện nộp chỉ được xác định là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bởi các khoản tiền này được xử lý theo mục [7] phần “NHẬN ĐỊNH:” của bản án này.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, đặc biệt bị cáo D không có nhận tiền “cảm ơn” của Công ty C2, các bị cáo Đ, Đ1 và N1 đã chủ động nộp lại số tiền “cảm ơn” đã nhận của Công ty C2 trước khi vụ án bị khởi tố. Các bị cáo Đ, Đ1 và N1 có nhận tiền nhưng không có thỏa thuận trước, không biết tiền đã nhận do phạm tội mà có. Vì thế, quan điểm của Viện kiểm sát và ý kiến của Luật sư N2, Luật sư N3, Luật sư K1 và Luật sư D1 đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt cho các bị cáo, ý kiến của Luật sư T3 đề nghị xử phạt bị cáo Đ1 mức án cho phù hợp được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Số tiền thiệt hại đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, nên không xử lý trong vụ án này.

[6.2] Do thiệt hại đã được xử lý nên việc duy trì 02 lệnh kê biên tài sản số 05, 06 cùng ngày 27/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đối với các bị cáo Đ và Đ1 là không còn cần thiết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 2.825.000.000đ các bị cáo Đ, Đ1 và N1 giao nộp là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho các bị cáo, bị hại các tài sản, đồ vật bị thu giữ không liên quan đến vụ án.

Trả lại số tiền mà những người liên quan đã nộp trong quá trình điều tra, gồm: Bà Đào Hồng K3, bà Ngô Thanh X1, ông Trần Danh H1, ông Hoàng Đại T5, ông Trịnh Văn L3, ông Nguyễn Văn T4, ông Phạm Viết M2.

Chuyển lưu theo hồ sơ: Các tài liệu tại biên bản thống kê tài liệu khi tiến hành mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 17/8/2022 của các bị cáo; 02 USB lưu dữ liệu được phục hồi và lưu dữ liệu giám định.

[8] Với các phân tích nói trên, ý kiến của Luật sư K đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ1 không được chấp nhận.

[9] Do bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với ông Trần Quang K2 (Phó Giám đốc Sở Y): Được phân công làm Tổ trưởng phụ trách điều trị và trạm y tế lưu động (không phụ trách trang thiết bị y tế). Từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021 được phân công phụ trách mua sắm trang thiết bị y tế, sau đó do không có chuyên môn nên bị cáo D đã ký thành lập Tổ chuyên gia - giúp việc để ông K2 chuyên tâm phụ trách điều trị bệnh covid. Do không nắm quy trình đấu thầu nên ký các tờ trình xin chủ trương. Khi bị cáo Đ làm xong các thủ tục trình ký, không có kiểm tra lại; không biết bị cáo Đ sử dụng báo giá nào, không trực tiếp tham gia lập hồ sơ, do bị cáo Đ trực tiếp tham mưu, ông K2 không có nhận tiền. Ông K2 không ký hồ sơ đấu thầu mà do bị cáo D trực tiếp ký hồ sơ đấu thầu, hợp đồng mua bán với Công ty C2. Do đó, không có căn cứ chứng minh ông K2 liên hệ, thông đồng với nhân viên của Công ty C2 để hợp thức hóa hồ sơ đấu thầu.

[11] Đối với ông Nguyễn Văn D2 (Trưởng Khoa xét nghiệm - chuẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng CDC Cà Mau): Trần Tiến L4 khai đưa tiền cho ông D2 03 lần với số tiền 938.000.000đ. Quá trình điều tra và cho đối chất, ông D2 không thừa nhận có nhận tiền L4 đưa. Đến thời điểm hiện tại chưa có căn cứ chứng minh ông D2 nhận tiền từ L4. Không có căn cứ chứng minh ông D2 mối giới với Công ty C2 để trúng thầu và được nhận tiền % ngoài hợp đồng. Ông D2 cũng không phải là người ký các hợp đồng với Công ty C2. Do đó, chưa có căn cứ xử lý đối với ông D2 tại vụ án này.

[12] Đối với các cá nhân của các Công ty thẩm định hồ sơ dự thầu chỉ thu tiền thù lao theo hợp đồng, không biết các hồ sơ tài liệu mà các bị cáo Đ và N1 đưa là có vi phạm, nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[13] Đối với các cá nhân thuộc Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Sở Y tế do bị cáo D thành lập. Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y để lập kế hoạch, giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, đối chiếu giá sản phẩm dự toán với giá công khai kết quả thầu. Quá trình điều tra xác định các cá nhân trên có hành vi vi phạm ở mức độ khác nhau, nhưng không biết

việc các bị cáo trong vụ án thông đồng với ông Trần Tiến L4 để hợp thức hóa thủ tục đấu thầu. Cơ quan điều tra Công an tỉnh C đã tách ra tiếp tục làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[14] Đối với các cá nhân của Công ty C2 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 thụ lý điều tra và xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 3 Điều 222; điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 59 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Ngọc Đ, Đặng Hải Đ1 và Hồ Quang N1 phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Miễn hình phạt cho tất cả các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2024/HS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2.2. Căn cứ Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.2.1. Hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 05/LKB-CSKT ngày 27/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đối với các tài sản của bị cáo Lê Ngọc Đ, gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BK 219956, vào sổ cấp GCN: CH000175, thửa số 147, tờ bản số 11, diện tích 7.760m², địa chỉ: Xã L, thành phố C, do Lê Ngọc Đ và Phan Thị Kim P đứng tên;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DD 356821, vào sổ cấp GCN: CS 05386, thửa số 400, tờ bản số 11, diện tích 4.535,4m², địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, do Lê Ngọc Đ đứng tên;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CN 875113, vào sổ cấp GCN: CN 00272, thửa số 367, tờ bản số 01, diện tích 324,0m², địa chỉ: Đường Q, ấp F, xã T, thành phố C, do Phạm Hoàng P2 đứng tên. Ngày 13/7/2020, chuyển nhượng cho Lê Ngọc Đ và Phan Thị Kim P (hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/7/2020);

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CG 972267, vào sổ cấp GCN: CS 07515/DA, thửa số 44, tờ bản số 08, địa chỉ: Căn hộ S, tầng B, lô B, chung cư N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do Lê Ngọc Đ và Phan Thị Kim P đứng tên;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số Y 462749, vào sổ cấp GCN số 619QSDĐ/TPCM, thửa số 020, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.325,25m², địa chỉ: Xã L, thành phố C, do Phan Thị Kim P đứng tên;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số Đ 919458, vào sổ cấp GCN số

1418QSĐĐ/TPCM, thửa số 091, tờ bản đồ số 18, diện tích 5.200m², địa chỉ: Xã L, thành phố C, do Lê Ngọc Đ đứng tên;

- Quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần C6 phát hành ra công chứng năm 2020, đáo hạn năm 2030, mã số: CTG2030T2/01-5526, gồm 1.900 trái phiếu, trị giá 190.000.000 đồng;

Bị cáo Đ và bà Phan Thị Kim P được quyền nhận lại bản gốc 06 (sáu) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản gốc 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu ngân hàng nói trên tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

2.2.3. Hủy bỏ Lệnh Kê biên tài sản số 06/LKB-CSKT ngày 27/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đối với các tài sản của bị cáo Đặng Hải Đ1, gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CU 379569, vào sổ cấp GCN: CS01686, thửa số 185, tờ bản đồ số 18, diện tích 135m² địa chỉ: Khóm E, phường A, thành phố C, do Đặng Hải Đ1 và Ngô Thanh X1 đứng tên;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số X 015838, vào sổ cấp GCN: 636QSĐĐ/TPCM, thửa số 400, tờ bản đồ số 17, diện tích 300m², địa chỉ: Phường I, thành phố C, do Đặng Hải Đ1 và Ngô Thanh X1 đứng tên.

Bị cáo Đ1 và bà Ngô Thanh X1 được quyền nhận lại bản gốc 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

3. Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.825.000.000 (hai tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu) đồng các bị cáo Đ, Đ1 và N1 giao nộp.

3.2. Trả lại đồ vật cho các bị cáo, bị hại; trả lại tiền cho người liên quan, gồm:

3.2.1. Trả lại đồ vật cho các bị cáo:

3.2.1.1. Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc Đ 01 (một) máy tính xách tay hiệu Sony;

3.2.1.2. Trả lại cho bị cáo Đặng Hải Đ1 01 (một) máy tính xách tay màu đen, hiệu ASUS, Intel Model: 9560W, đã qua sử dụng.

3.2.1.3. Trả lại cho bị cáo Hồ Quang N1:

- 01 (một) điện thoại di động tên kiểu thiết bị Galaxy S10 5G, số kiểu máy SM-G977N, số sêri R3CM501P5AR, IMEI 355375101411806; kèm theo sim điện thoại số sêri 89840200021515288527, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, màu trắng bạc, bị hỏng, không xác định được tên kiểu thiết bị, số kiểu máy, số sêri; kèm theo 02 sim điện thoại số sêri 8984048000316481863 và 8984048008819845133, đã qua sử dụng;

- 01 (một) thẻ ngân hàng T14, số thẻ 4220758688395119, mang tên Hồ Quang N1;

- 01 (một) thẻ ngân hàng V3, số thẻ 9704368604213029013, mang tên Hồ Quang N1;

- 01 (một) thẻ ngân hàng A1, số thẻ 9704162466660956, mang tên Hồ Quang N1.

3.2.2. Trả lại cho bị hại:

3.2.2.1. Trả lại cho Sở Y tế tỉnh C 01 (một) CPU hiệu FPT mã số WT0607200409;

3.2.2.2. Trả lại cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh C: 01 (một) thùng CPU màu đỏ đen, có dòng chữ SP SUPER PRO; 01 (một) CPU hiệu FPT Elead, màu đen được dán giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C; chữ ký, họ và tên của Điều tra viên Lê Văn Đ3 và bị cáo Hồ Quang N1.

3.2.3. Trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

3.2.3.1. Trả lại cho bà Đào Hồng K3 số tiền 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng;

3.2.3.2. Trả lại cho bà Ngô Thanh X1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

3.2.3.3. Trả lại ông Trần Danh H1 số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

3.2.3.4. Trả lại cho ông Hoàng Đại T5 số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng;

3.2.3.5. Trả lại cho ông Trịnh Văn L3 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng;

3.2.3.6. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T4 số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng;

3.2.3.7. Trả lại cho ông Phạm Viết M2 số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.3. Số tiền sung quỹ Nhà nước được nêu tại tiểu mục 3.1 mục 3 phần “QUYẾT ĐỊNH” của bản án này và số tiền trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nêu tại tiểu mục 3.2.3 mục 3 phần “QUYẾT ĐỊNH” của bản án này có trong tổng số tiền 3.225.200.000 (ba tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quản lý theo Biên lai thu tiền số 0000035 ngày 26/4/2024.

3.4. Đồ vật trả lại cho các bị cáo, bị hại được nêu tại tiểu mục 3.2 mục 3 phần “QUYẾT ĐỊNH” của bản án này hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quản lý (Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2024).

3.5. Chuyển lưu theo hồ sơ các tài liệu gồm:

3.5.1. Các tài liệu tại biên bản thống kê tài liệu khi tiến hành mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 17/8/2022 của các bị cáo (bút lục 2218 đến 2220, 2462, 3296 đến 3297);

3.5.2. 01 (một) USB hiệu Kingston màu đen, dung lượng 32GB, lưu dữ liệu được phục hồi, trích xuất có tổng dung lượng 6.04GB.

3.5.3. 01 (một) USB nhãn hiệu SanDisk 128GB lưu dữ liệu giám định được niêm phong trong phong bì của Phòng K5 Công an tỉnh C.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo D, Đ, Đ1 và N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/bị cáo.

5. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS nd cấp cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Cục THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế